

Số: 112/2025/QĐST-KDTM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TÒA
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Chí Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước.

2. Bà Nguyễn Thị Chi.

Thư ký Tòa án ghi nhận biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý sơ thẩm số: 254/2024/TLST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm nợ vay*”, theo Quyết định đưa vụ án dân sự ra xét xử số 1526/2025/QĐXXST-KDTM ngày 12/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 2146/2025/QĐ-HPT ngày 27/8/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ Hội sở chính: Số 02 Láng Hạ, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ Chi nhánh thành phố Thủ Đức II: Số 280 A12 – A13 Lương Định Của, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Như T.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đ.

Địa chỉ trụ sở: Số A T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hoàng L – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ cư trú: 2 Y, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T1.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Trương Thị Kim S, sinh năm 1974.

Cư trú: A N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị S1.

3.2 Ông Lê Quốc S2, sinh năm 1953.

Nơi cư trú: Số A N, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

- *Ý kiến của nguyên đơn:* Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ngân hàng N xác định các yêu cầu cụ thể như sau:

1. Buộc Công ty CP Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến ngày 15/9/2025 gồm các khoản: Nợ gốc 38.722.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 7.966.314.814 đồng, lãi quá hạn 1.512.479.507 đồng. Tổng nợ phải trả: 48.200.794.321 đồng.

2. Buộc Công ty CP Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 1940-LAV-202200383 ngày 14/11/2022 kể từ ngày 16/9/2025 (Tòa án ra bản án/quyết định) cho đến ngày thực tế Công ty CP Đ trả hết nợ gốc cho A.

3. Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty CP Đ không thực hiện trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu người bảo lãnh bằng tài sản phải trả nợ thay, kể cả yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý, phát mãi tài sản bảo đảm để Ngân hàng thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh.

Tài sản yêu cầu phát mãi thu hồi nợ, gồm:

Nhà và Q sử dụng đất tại thửa đất 7, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại địa chỉ: A N, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 11471/97 do U cấp ngày 13/10/1997 thuộc quyền sở hữu của bà Trương Thị Kim S.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ số A T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của bà Trương Thị Kim S.

Trách nhiệm thi hành án: Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo lãnh thu hồi nợ cho Ngân hàng vẫn còn dư nợ (gốc và lãi) thì buộc Công ty CP Đ tiếp tục trách nhiệm trả nợ cho đến khi trả hết nợ bằng những tài sản hợp pháp của Công ty CP Đ.

Sau khi tất toán nợ, giá trị tài sản phát mãi còn dư sẽ được chuyển thi hành án đối với trách nhiệm dân sự của bà Trương Thị Kim S tại các Bản án hình sự sơ thẩm số 188/2024/HS-ST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự phúc thẩm số 1178/2024/HS-PT ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử lý, phát mãi đấu giá tài sản thế chấp thi hành án và tất toán toàn bộ nợ (gốc và lãi) thì Ngân hàng có trách nhiệm giải chấp và giao cho người trúng mua đấu giá tài sản toàn bộ hồ sơ giấy chủ quyền tài sản thế chấp.

Về án phí dân sự và chi phí tố tụng dân sự: Nguyên đơn đề nghị Tòa án xử lý theo quy định pháp luật và trả lại cho Ngân hàng các khoản đã tạm ứng.

- *Ý kiến của bị đơn:* Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho Công ty Cổ phần Đ thừa nhận nợ và xác nhận trách nhiệm trả cho A toàn bộ nợ tín dụng (phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 1940-LAV-202200383 ngày 14/11/2022), tính đến ngày 15/9/2025 gồm các khoản: Nợ gốc 38.722.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 7.966.314.814 đồng, lãi quá hạn 1.512.479.507 đồng. Tổng nợ phải trả: 48.200.794.321 đồng. Công ty Cổ phần Đ cam kết có trách nhiệm trả toàn bộ nợ trong thời hạn 6 0 ngày kể từ khi các bên thống nhất thương lượng tại phiên tòa.

Công ty Cổ phần Đ cam kết tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc tương ứng, kể từ ngày 16/9/2025 cho đến khi tất toán nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 1940-LAV-202200383 ngày 14/11/2022.

Công ty Cổ phần Đ cam kết chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm vụ án.

- Ý kiến của người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

+ Ý kiến của bà Trương Thị S1 (là người đại diện theo ủy quyền cho bà Trương Thị Kim S) trình bày: Thống nhất thương lượng về trách nhiệm trả nợ và phương thức trả nợ giữa A và Công ty Cổ phần Đ để giải quyết vụ án tại phiên tòa.

Bà Trương Thị Kim S thừa nhận trách nhiệm bảo lãnh bằng tài sản bảo đảm để trả nợ cho A thay Công ty Cổ phần Đ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 1940-LCL-202000402 ngày 25/11/2020 do Văn phòng C1 chứng nhận số 014863, quyền số 02/2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/11/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bằng tài sản số: 1940 – LCL – 202000402/BS01 ngày 18/05/2021 do Văn phòng C1 chứng nhận số 005687, quyền số 02/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/05/2021.

Bà Trương Thị Kim S thừa nhận trách nhiệm bảo lãnh bằng tài sản bảo đảm để trả nợ cho A thay Công ty Cổ phần Đ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 1940-LCL-201600044 ngày 27/01/2016 do Phòng C2 chứng nhận số 2647, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/01/2016; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 1940 – LCL – 201600044/BS01 ngày 25/10/2019 do Phòng C2 chứng nhận số 19395, quyền số 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/10/2019.

Trường hợp Công ty Cổ phần Đ không trả hết nợ tín dụng cho A thì bà Trương Thị Kim S đồng ý đề cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý và phát mãi tài sản thế chấp để A thu hồi nợ. Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm:

Nhà và Q sử dụng đất tại thửa đất 7, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại địa chỉ: A N, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 11471/97 do U cấp ngày 13/10/1997 thuộc quyền sở hữu của bà Trương Thị Kim S.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: số A T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của bà Trương Thị Kim S.

Sau khi phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho A, số tài sản dư sẽ chuyển thi hành án đối với trách nhiệm dân sự của bà Trương Thị Kim S tại các Bản án hình sự sơ thẩm số 188/2024/HS-ST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự phúc thẩm số 1178/2024/HS-PT ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền cho bà Trương Thị Kim S tự nguyện chịu chi phí tố tụng vụ án dân sự đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ các tài sản tranh chấp và đồng ý trả lại cho A tiền tạm ứng chi phí tố tụng này ngay khi thi hành án.

+ *Ý kiến của ông Lê Quốc S2 trình bày:* Thống nhất thương lượng về trách nhiệm trả nợ và phương thức trả nợ giữa A và Công ty Cổ phần Đ để giải quyết vụ án tại phiên

tòa.

Ông Lê Quốc S2 và bà Trương Thị Kim Chung sống như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) từ năm 2007 đến năm 2016, có 02 con chung: Trẻ Lê Quốc Thiên C, sinh ngày 01/05/2010 và trẻ Lê Quốc Thiên A, sinh ngày 10/07/2012.

Ông Lê Quốc S2 thừa nhận: bà Trương Thị Kim S là người đứng tên chủ quyền của cả 02 tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại căn nhà số A N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; và căn nhà số A T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà Trương Thị Kim S và gia đình bà S.

Ông Lê Quốc S2 xác nhận hiện nay cả 02 tài sản này đã được thế chấp cho A Chi nhánh thành phố Thủ Đức II để đảm bảo cho khoản vay tín dụng và hiện cũng đang bị kê biên để bảo đảm thi hành án cho vụ án hình sự của S.

Ông Lê Quốc S2 đồng ý xử lý phát mãi, bán đấu giá các tài sản thế chấp này dưới sự giám sát của Cơ quan pháp luật để trả hết nợ vay tại A. Số tiền dư còn lại sau khi trả hết nợ cho A Chi nhánh thành phố T thì sẽ nộp toàn bộ vào Thi hành án dân sự Thành phố H để thi hành án khắc phục hậu quả cho vụ án hình sự của bà Trương Thị Kim S.

Ông Lê Quốc S2 xác nhận không có tranh chấp gì với bà Trương Thị Kim S đối với 02 tài sản trên đây và các tài sản khác. Và ông S2 cam kết sẽ tự giải quyết với bà S nếu có tranh chấp tài sản với bà S.

- Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa sơ thẩm là thuộc trường hợp được qui định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp xuất phát từ Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm nợ vay là quan hệ pháp luật tranh chấp về tín dụng và giao dịch về tài sản bảo đảm theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và các quy định về lãi suất cho vay tín dụng của Ngân hàng N1 quy định. Ngân hàng A Chi nhánh thành phố T II khởi kiện tranh chấp nợ tín dụng đối với Công ty có nội dung yêu cầu phù hợp pháp luật, còn thời hiệu khởi kiện.

Tại Điều 14 của Hợp đồng tín dụng số: 1940-LAV-202200383 ngày 14/11/2022 các đương sự thỏa thuận thống nhất chọn lựa Tòa án nơi địa chỉ Chi nhánh Agribank thành phố A giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 39 và điểm b, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ Hội sở chính: Số 02 Láng Hạ, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ Chi nhánh thành phố Thủ Đức II: Số 280 A12 – A13 Lương Định Của, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Như T.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ.

Địa chỉ trụ sở: Số A T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hoàng L – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ cư trú: 2 Y, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T1.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà: Trương Thị Kim S, sinh năm 1974.

Cư trú: A N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị S1.

3.2 Ông Lê Quốc S2, sinh năm 1953.

Nơi cư trú: Số A N, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Công ty Cổ phần Đ xác nhận nợ và cam kết có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N toàn bộ nợ tín dụng (phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 1940-LAV-202200383 ngày 14/11/2022), tính đến ngày 15/9/2025 gồm các khoản: Nợ gốc 38.722.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 7.966.314.814 đồng, lãi quá hạn 1.512.479.507 đồng. Tổng nợ phải trả: 48.200.794.321đ (*Bốn mươi tám tỷ, hai trăm triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi một đồng*).

2.2 Công ty CP Đ có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ phải trả tương ứng, kể từ ngày 16/9/2025 cho đến khi tất toán nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 1940-LAV-202200383 ngày 14/11/2022.

2.3 Thời hạn và phương thức trả nợ: Cổ phần Đầu tư Quốc tế Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ trong thời hạn 60 ngày, kể từ Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành án.

2.4 Trách nhiệm thi hành án:

- Cổ phần Đầu tư Quốc tế Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ trong thời hạn cam kết. Trường Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ nợ thì người bảo lãnh bằng tài sản bảo đảm (bà Trương Thị Kim S) có trách nhiệm trả nợ thay, kể cả xử lý, phát mãi các tài sản thế chấp theo quy định pháp luật thi hành án để A thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh.

- Các tài sản thế chấp được phát mãi gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại địa chỉ: số A N, Phường G, Quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 11471/97 do U cấp ngày 13/10/1997 thuộc sở hữu của bà Trương Thị Kim S (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 1940-LCL-202000402 ngày 25/11/2020 do Văn phòng C1 chứng nhận số 014863, quyền

số 02/2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/11/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bằng tài sản số: 1940 – LCL – 202000402/BS01 ngày 18/05/2021 do Văn phòng C1 chứng nhận số 005687, quyền số 02/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/05/2021). Tài sản thế chấp này đã Đăng ký giao dịch bảo đảm theo số đăng ký 2020-1231-VPĐĐ ngày 26/11/2020 tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ: số A T, Phường A, quận P (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bà Trương Thị Kim S (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1940-LCL-201600044 ngày 27/01/2016 do Phòng C2 chứng nhận số 2647, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/01/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 1940 – LCL – 201600044/BS01 ngày 25/10/2019 do Phòng C2 chứng nhận số 19395, quyền số 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/10/2019. Tài sản thế chấp này đã Đăng ký giao dịch bảo đảm theo số 2016-029695-CNPN ngày 28/01/2016 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận Đ1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Sau khi xử lý, phát mãi các tài sản thế chấp trên đây để A thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh:

+ Trường hợp tài sản còn dư sẽ được trả lại cho bà Trương Thị Kim S để Thi hành án dân sự Thành phố H thực hiện thi hành án đối với trách nhiệm dân sự của bà Trương Thị Kim S tại các Bản án hình sự sơ thẩm số 188/2024/HS-ST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự phúc thẩm số 1178/2024/HS-PT ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trường hợp tài sản không còn dư hoặc thu hồi không đủ nợ gốc và lãi phát sinh cho A, thì pháp nhân vay tín dụng (là Công ty Cổ phần Đ) phải tiếp tục thực hiện trách nhiệm trả nợ cho đến khi tất toán nợ vay.

- Thi hành án tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng vụ án:

3.1. Án phí kinh doanh thương mại:

- Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 156.200.794 đồng, nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố H.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là số tiền 77.168.364 đồng (theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0027929 ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Trương Thị Kim S và ông Lê Quốc S2) trong vụ án không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2 Chi phí tố tụng vụ án:

Chi phí tố tụng về việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản tranh chấp là 20.000.000 đồng do bà Trương Thị Kim S tự nguyện chịu toàn bộ và đồng ý trả lại tạm ứng chi phí tố tụng này cho A ngay khi thi hành án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND Khu vực 2 – TP.HCM;
- Viện KSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- THA DS TP.HCM;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Chí Quang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2016/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2016/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thỏa thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên

Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên và đóng dấu của Tòa án)

(Họ và tên)